

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH K**

Bản án số: 31/2024/HSST
Ngày 29-8-2024

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Khen

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hoà; nghề nghiệp: Giáo viên; nơi công tác: Trường Tiểu học số 2, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum;

2. Ông Trương Ngọc Lễ; nghề nghiệp: Giáo viên; nơi công tác: Trường Trung học cơ sở xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Đình Tú – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Chinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2024/TLST – HS ngày 07 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/ QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo: A X; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 27/6/2006 tại tỉnh K; số căn cước công dân: 062206003987; nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; nơi cư trú: Thôn D, xã Đ, huyện N, tỉnh K; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Dẻ Triêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A X (đã chết), con bà Y D; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: (khi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên thuộc trường hợp không có án tích).

Nhân thân:

- Ngày 24/11/2021 bị Chủ tịch UBND xã Đ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi Hiếp dâm, đến ngày 24/05/2022 chấp hành xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Ngày 10/5/2023 bị TAND huyện Đ xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 26/8/2023 chấp hành xong án phạt tù.

- Ngày 25/03/2024 có hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người giám hộ cho bị cáo: Bà Y D (mẹ đẻ của bị cáo); địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện N, tỉnh K (Xin xét xử vắng mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Văn Đ – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K (Có mặt).

- **Bị hại:** Chị Lương Thị Mộng T; sinh năm: 1990 và anh Vũ Đức C; sinh năm: 1986; cùng địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện N, tỉnh K(Cả hai xin xét xử vắng mặt).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trần Văn L; sinh năm: 1996; địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh K(Xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn Trung K; sinh năm: 1996; địa chỉ: Khối 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K (Xin xét xử vắng mặt).

- **Người chứng kiến:** Chị Trần Thị N; sinh năm: 1979; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện N, tỉnh K (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

A X sau khi chấp hành xong án phạt tù về tội trộm cắp tài sản trở về địa phương, do không có việc làm ổn định nên nảy sinh ý định tìm kiếm nhà người dân nào có tài sản sơ hở thì trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 25/3/2024, X đi bộ một mình trên đường Hoàng Thị L, thuộc tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện N thì nhìn thấy nhà chị Lương Thị Mộng T, đóng cổng ngoài nhưng không khóa cửa bên trong nên nảy sinh ý định đột nhập vào trong nhà chị T tìm tài sản trộm cắp. X chui qua khe hở cổng và vĩa hè đột nhập vào bên trong nhà. Khi đi vào phòng ngủ thứ nhất thì thấy anh Vũ Đức C (*chồng chị T*) đang nằm ngủ trên giường cùng với hai con nhỏ, bên cạnh anh C có một điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE XS, màu trắng nên X lấy trộm cầm trong tay, X tiếp tục đi vào phòng ngủ thứ hai thì nhìn thấy chị T cùng hai con nhỏ khác đang nằm ngủ trên giường, bên cạnh chị T có một điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 11, màu trắng nên X tiếp tục trộm cắp. Sau khi trộm cắp được hai chiếc điện thoại trong nhà chị T, X đã tẩu thoát ra ngoài bằng đường đã vào ban đầu và đến ngủ tại Công viên N.

Đến chiều ngày 26/3/2024, X đi bộ một mình đến cửa hàng mua bán điện thoại Khánh Linh của anh Trần Văn L (*sinh năm 1996, trú tại Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N*) ở đường Trần Phú, thị trấn P để bán chiếc điện thoại IPHONE XS màu trắng đã trộm cắp được. Lúc đó, X nói dối anh L đó là điện thoại của mình, cần tiền nên bán với giá là 2.000.000 đồng. Anh L cầm điện thoại xem, thấy điện thoại không có khóa màn hình nên tin và đồng ý mua, nói X đợi để lấy tiền và đi vào phòng trong nhà. X đợi lâu và nghĩ rằng anh L biết đó là điện thoại trộm cắp và đã gọi báo cho cơ quan Công an đến bắt giữ nên X bỏ đi để điện thoại di động lại tại tiệm điện thoại Khánh Linh. Sau đó X bỏ đi đến huyện Đ mang bán chiếc điện thoại IPHONE 11 màu trắng tại Cửa hàng mua bán điện thoại Trần K của anh Nguyễn Văn Trung K. X

nói dối với anh K đó là điện thoại do mình nhặt được, không có mặt khấu điện thoại nên bán với giá 1.000.000 đồng. Anh K tin là thật nên đã đồng ý mua. Sau khi bán được chiếc điện thoại, X dùng tiền bán điện thoại đi chơi, tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 15/6/2024, X nghĩ hành vi trộm cắp của mình sẽ bị phát hiện và sợ sẽ phải chịu phạt nặng hơn nếu như tiếp tục lẩn trốn nên X cùng mẹ là bà Y D đến Công an huyện N để tự thú và khai nhận hành vi phạm tội. **Tại thời điểm phạm tội thì A X được 17 tuổi 08 tháng 28 ngày.**

Kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐĐG ngày 19 tháng 06 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện N kết luận: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 11, màu trắng, loại 128GB, đã qua sử dụng, tình trạng máy vẫn đang sử dụng bình thường. Được mua mới vào tháng 5/2022 với giá 13.990.000 đồng. Tại thời điểm bị mất trộm vào ngày 25/3/2024, điện thoại di động trên có giá 6.333.333 đồng; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE XS, màu trắng, loại 64GB, đã qua sử dụng, tình trạng máy vẫn đang sử dụng bình thường. Được mua lại vào đầu năm 2023 với giá 6.500.000 đồng. Tại thời điểm bị mất trộm vào ngày 25/3/2024, điện thoại di động trên có giá 3.166.667 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Về vật chứng của vụ án: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE XS, màu trắng, loại 64GB, đã qua sử dụng, tình trạng máy vẫn đang sử dụng bình thường. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Vũ Đức C.

Về trách nhiệm dân sự: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 11, màu trắng, loại 128GB, bị cáo đã bán cho anh Nguyễn Văn Trung K, sau đó anh K đã bán lại cho một người không rõ lai lịch nên không thu hồi được. Quá trình điều tra bị hại Lương Thị Mộng T yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị điện thoại bị mất không thu hồi được với số tiền là 6.300.000 đồng.

Với nội dung trên, Bản cáo trạng số: 26/CT- VKS-NH ngày 07 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố A X về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, r khoản 1 Điều 51; Điều 38; 91; 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo A X từ 09 đến 12 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung; buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Lương Thị Mộng T 6.300.000 đồng và chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Do bị cáo không có việc làm nên đã vi phạm pháp luật, bị cáo đã biết lỗi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bị hại chị Lương Thị Mộng T, anh Vũ Đức C; người đại diện hợp pháp cho bị cáo bà Y D; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn L, anh Nguyễn Văn Trung K đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo, Kiểm sát viên đều đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng hoặc gây trở ngại cho việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vắng mặt họ.

[3] Về tội danh: Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N công bố Bản cáo trạng thì bị cáo A X đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như Bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan điều tra Công an huyện N và các tài liệu chứng cứ khác về số lượng và giá trị tài sản chiếm đoạt đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở khẳng định: Lợi dụng sơ hở việc quản lý tài sản của chủ sở hữu tài sản, bị cáo A X đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản là hai chiếc điện thoại hiệu Iphone của anh Vũ Đức C và chị Lương Thị Mộng T tại đường Hoàng Thị Loan, thị trấn P, huyện N có tổng giá trị là 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự và an toàn xã hội, với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi, bị cáo sẵn sàng phạm tội để có tiền tiêu xài mà không phải thông qua lao động chân chính, bất chấp hậu quả xảy ra, vì vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về nhân thân: Ngày 24/11/2021 bị Chủ tịch UBND xã Đ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi Hiếp dâm. Ngày 10/5/2023 bị TAND huyện Đ xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 26/8/2023 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 25/3/2024 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, ngày 15/6/2024 đến Công an huyện N tự thú. (khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên thuộc trường hợp không có án tích nhưng được xác định là có nhân thân xấu).

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan điều tra tự thú về hành vi phạm tội của mình; Quá trình điều tra và tại phiên tòa

bị cáo Thành khẩn khai báo, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[8] Tại phiên toà hôm nay ông Nguyễn Văn Đ – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K trong bài bào chữa cho bị cáo đồng tình quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật cũng như mức hình phạt, đề nghị HĐXX xem xét, bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ, cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người chưa thành niên phạm tội với mục đích răn đe giáo dục, đề bị cáo sửa chữa sai lầm, do vậy đề nghị HĐXX xử cho bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo cải tạo sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Khi phạm tội bị cáo mới 17 tuổi 8 tháng 28 ngày nên không xem xét hình phạt bổ sung.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại chị Lương Thị Mộng T yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc chiếc điện thoại Iphone 11 không thu hồi được là 6.300.000 đồng, tại phiên toà chị T xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu mức bồi thường giá trị chiếc điện thoại Iphone 11 là 6.300.000 đồng, nên buộc bị cáo bồi thường số tiền 6.300.000 đồng cho chị T.

[11] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu hồi được chiếc điện thoại Iphone XS, sau khi xác định được chủ sở hữu chiếc điện thoại Iphone XS là của anh Vũ Đức C, trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện N, tỉnh K, nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại Iphone XS cho anh Vũ Đức C là đúng quy định của pháp luật, tại tòa anh Vũ Đức C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn L, anh Nguyễn Văn Trung K đều xin xét xử vắng mặt trong đơn không ai yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[12] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự trong vụ án hình sự theo qui định của pháp luật.

[13] Về các tình tiết khác: Anh Trần Văn L, anh Nguyễn Văn Trung K là những người mua điện thoại của X, họ đều là chủ cửa hàng mua bán điện thoại, khi bị cáo bán điện thoại trộm cắp được cho anh L, anh K bị cáo nói dối là điện thoại của mình, và điện thoại nhất được nên anh L và anh K đều đồng ý mua. Anh L và anh K hoàn toàn không biết đó là tài sản do A X trộm cắp mà có, nên không có căn cứ xử lý đối với anh L, anh K.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo là hoàn toàn phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 42; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 357; Điều 584; 589 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo A X phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo A X 09 (Không chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo A X phải bồi thường cho chị Lương Thị Mộng T, địa chỉ: tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện N, tỉnh K giá trị chiếc chiếc điện thoại Iphone 11 không thu hồi được với số tiền là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bên được thi hành án thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 315.000đ (Ba trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/8/2024. Bị hại, người giám hộ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

6. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Người TGTT;
- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Công an huyện N;
- Phòng PV27 CA tỉnh K;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Bá Khen